

Bản án số: 71/2017/HS-ST

Ngày 25 tháng 8 năm 2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B-TỈNH BẠC LIÊU

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Phan Công Trí**.

* *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Khuru Liên Dung**.

2. Bà **Lâm Thị Nguyệt Hồ**.

* *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Đặng Văn Kép**, Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Ông **Hồ Hải Đăng** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã VT, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 84/2017/HSST ngày 31 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **NHT** (Tên gọi khác: **NHT**), sinh năm 1979 tại Bạc Liêu; Trú tại: Ấp A, thị trấn HB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 05/12; Con ông: **NHT** (sinh năm 1954) và bà **THT** (sinh năm 1953); Chưa có vợ con. Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 27/10/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 12/6/2011. Ngày 16/7/2015, bị Tòa án nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 09/02/2016. Tạm giữ ngày 14/4/2017. Tạm giam ngày 21/4/2017. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B (*Có mặt*).

- Bị hại: Ông **NTK**, sinh năm 1960 (Vắng mặt).

Trú tại: ấp KC, xã VT, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN THẤY:

Bị cáo **NHT** bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu truy tố về hành vi như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 14/4/2017, **NHT** điều khiển xe mô tô, biển số 52T1-4738 trên đường Tỉnh Lộ 38, hướng về xã VT, thành phố B tìm tài sản lấy trộm.

Khi đi ngang nhà ông NTK, NHT thấy nhà đang mở cửa nhưng không có người trông coi nên dừng xe đi vào nhà lấy một máy tính bảng hiệu Asus, màu đen và một máy tính bảng Samsung, màu trắng đi ra thì bị ông NTK phát hiện, truy hô cùng người dân bắt quả tang giao Công an xã VT, thành phố B; đồng thời thu giữ hai máy tính bảng và xe mô tô, biển số 52T1-4738.

Tại Bản kết luận định giá tài sản: 40/KL-HĐĐGTS ngày 18/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự xác định: 01 máy tính bảng nhãn hiệu Asus, loại Fone pad 7, 8GB, màu đen, tỷ lệ còn lại là 80% và 01 máy tính bảng nhãn hiệu Samsung Galaxy Tab 3V, 8GB, màu trắng, có vỏ bao máy bằng da, hiệu Kaku, màu xám, tỷ lệ còn lại của máy và vỏ bao máy là 90%, có tổng giá trị là: 5.317.000 đồng.

Tại Bản Cáo trạng số 76/KSĐT-SH ngày 31/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo NHT về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại biên bản lấy lời khai của bị hại NTK trình bày: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 14/4/2017, ông NTK phát hiện bị cáo NHT lén lút lấy trộm 02 máy tính bảng đang để trong nhà ông NTK thì ông truy hô và mọi người đã bắt được bị cáo NHT. Hiện tài sản đã thu hồi và trả cho ông NTK xong, ông NTK không có yêu cầu nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng TC, LVH cùng trình bày: Ngày 14/4/2017, nghe mọi người truy hô “ăn trộm” nên đã cùng nhau đuổi bắt bị cáo.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 138; Điểm g, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, Khoản 3 Điều 7, Điểm x Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo NHT từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu 01 ống kim tiêm và 01 biển số giả tiêu hủy.

- Bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Bị cáo NHT đã thực hiện hành vi điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát số 52T1-4738 đến nhà của ông NTK, nhân lúc mọi người không để ý, bị cáo lén lút lấy 02 máy tính bảng trị giá 5.317.000đ của ông NTK đang để trong tủ tivi tại phòng khách và nhanh chóng đi ra xe, sự việc trên bị ông NTK phát hiện truy hô và bắt quả tang vào lúc khoảng 13 giờ 30 phút ngày 14/4/2017 tại ấp KC, xã VT, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Bị cáo NHT là người đã trưởng thành, có thể chất tinh thần phát triển bình thường, có khả năng điều khiển hành vi, am hiểu lẽ sống xã hội, nhận thức được pháp luật, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Vì nghiện ma túy, để có tiền thỏa mãn nhu cầu của bản thân mà không phải lao động vất vả, đã thôi thúc bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp. Chính hành vi lén lút, nhanh chóng chiếm giữ và dịch chuyển tài sản ra khỏi vị trí quản lý của người chủ sở hữu, đã thể hiện thái độ lỗi cố ý trực tiếp của bị cáo.

Hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác trên 2.000.000đ nhưng dưới 50.000.000đ của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm sở hữu tài sản của người khác, đó là tài sản của ông NTK, đã gây thiệt hại về vật chất, tinh thần đối với người bị hại, đồng thời còn làm cho nhân dân lo lắng, không an tâm trong sinh hoạt đời sống, ảnh hưởng trật tự trị an địa phương, bị pháp luật hình sự quy định là Tội phạm.

Lời khai của người bị hại, người làm chứng thống nhất với lời khai của bị cáo về tài sản mất trộm, thời gian diễn ra vụ án.

Bị cáo NHT có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, bị Tòa án nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu kết án 09 tháng tù, tại bản án này bị cáo đã phạm tội với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” được quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, nay bị cáo lại tiếp tục phạm tội là thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” quy định Điểm b Khoản 2 Điều 49 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Từ sự phân tích trên, có đủ cơ sở kết luận: bị cáo NHT là người có tội, đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản này là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng, phù hợp với thực tế khách quan.

Tại Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

...

c) Tái phạm nguy hiểm;”

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn thật thà khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã thu hồi và trao trả cho bị hại là thuộc trường hợp chưa gây ra thiệt hại được quy định tại Điểm p, g Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, bị cáo có mẹ ruột được nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng 3 được quy định tại Điểm x Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, đây là những tình tiết được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về vật chứng:

01 xe mô tô nhãn hiệu Wave màu Xanh-Đen, số khung FD110200100489, số máy 1P52FMH3Y0301947 được xác định là tài sản của bà THT, không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho bà THT xong.

01 ống kim tiêm loại nhỏ, màu trắng có nắp mũi tiêm màu đỏ dài 11cm, chưa qua sử dụng, 01 biển kiểm soát giả số 52T1-4738 không giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo Điểm đ Khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Về dân sự: Tài sản bị mất trộm đã thu hồi và trao trả cho bị hại. Bị hại không có yêu cầu gì khác, nên không đặt ra xem xét.

Bị cáo NHT bị kết tội nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo NHT phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Tuyên phạt:

Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 138; Điểm g, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, Khoản 3 Điều 7, Điểm x Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điểm b Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Xử phạt bị cáo NHT 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày tạm giữ 14/4/2017.

3. Áp dụng Điểm đ Khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 ống kim tiêm loại nhỏ, màu trắng có nắp mũi tiêm màu đỏ dài 11cm, chưa qua sử dụng, 01 biển kiểm soát giả số 52T1-4738.

(Các vật chứng nêu trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/7/2017).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

Bị cáo NHT phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/8/2017). Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- CAND TP.B;
- CCTHADS TP.B;
- VKSND TP.B
- TAND Tỉnh;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- Lưu HS.

Lê Phan Công Trí